

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CAO BẰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 3)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 22 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 1);

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 9);

Xét Tờ trình số 2455/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế

- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 3), như sau:

1. Điều chỉnh tăng 33.342,464 triệu đồng kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Cao Bằng từ nguồn vốn Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

Sau khi điều chỉnh, tổng kế hoạch đầu tư công vốn Ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Cao Bằng tăng từ 4.669.420,464 triệu đồng lên 4.702.762,928 triệu đồng.

(Chi tiết biểu 01 kèm theo)

2. Thông qua danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, nhiệm vụ đối với số vốn điều chỉnh tăng 33.342,464 triệu đồng.

(Chi tiết biểu 02 kèm theo)

Các nội dung khác về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 không điều chỉnh, thực hiện theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 1); Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng (lần 2).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 22 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *Kh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



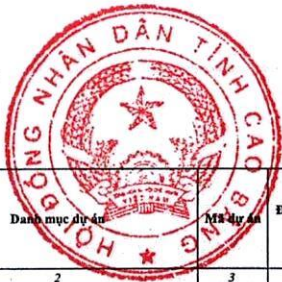
Le Minh Lê
Triệu Đình Lê



TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH CAO BẰNG (Lần 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 (sau điều chỉnh)	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
1	2	6	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG (A+B)	4.669.420,464	-	33.342,464	4.702.762,928	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3.578.710,000	-	-	3.578.710,000	
I	Vốn ngân sách địa phương	1.011.481,000	-	-	1.011.481,000	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	797.981,000			797.981,000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	200.000,000			200.000,000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500,000			13.500,000	
II	Vốn ngân sách trung ương	2.567.229,000	-	-	2.567.229,000	
1	Vốn trong nước	2.525.999,000	-	-	2.525.999,000	
1.1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.254.320,000			1.254.320,000	
	<i>Trong đó: Dự án đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư</i>	674.117,000			674.117,000	
1.2	Vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.271.679,000			1.271.679,000	
2	Vốn nước ngoài	41.230,000	-	-	41.230,000	
	<i>Phân bổ chi tiết</i>	<i>23.180,000</i>			<i>23.180,000</i>	
	<i>Chưa đủ điều kiện phân bổ</i>	<i>18.050,000</i>			<i>18.050,000</i>	
B	TỈNH BỔ SUNG	1.090.710,464	-	33.342,464	1.124.052,928	
I	VỐN NƯỚC NGOÀI VAY LẠI TỪ CHÍNH PHỦ	4.100,000	-	-	4.100,000	
	<i>Phân bổ chi tiết</i>	<i>2.576,000</i>			<i>2.576,000</i>	
	<i>Chưa đủ điều kiện phân bổ</i>	<i>1.524,000</i>			<i>1.524,000</i>	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC	193.093,136	-	-	193.093,136	
1	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất)	149.130,600			149.130,600	
2	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	4.862,536			4.862,536	
3	Nguồn thu hợp pháp khác	39.100,000			39.100,000	
III	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	893.517,328		33.342,464	926.859,792	



Biểu số 02
BỘ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
 (Kèm theo Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năm lập thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ																			
						338.850,464	66.442,464	15.000,000	5.000,000	338.850,464	66.442,464	22.225,000			-	-	33.342,464	55.567,464	33.342,464	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội																			
						5.990,000	5.990,000			5.990,000	5.990,000					190,000	190,000	190,000		
(.)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư																			
						5.990,000	5.990,000			5.990,000	5.990,000					190,000	190,000	190,000		
	Dự án nhóm C																			
	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng		TPCB		2024-2026	46/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	3.000,000	3.000,000			3.000,000	3.000,000				100,000	100,000	100,000		
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Báo Cao Bằng		TPCB		2024-2026	47/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	2.990,000	2.990,000			2.990,000	2.990,000				90,000	90,000	90,000		
II	Các hoạt động kinh tế																			
							50.677,464	50.452,464			50.677,464	50.452,464	225,000			-	28.152,464	28.377,464	28.152,464	
II.1	Giao thông																			
							22.389,000	22.389,000			22.389,000	22.389,000					89,000	89,000	89,000	
(.)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư																			
							22.389,000	22.389,000			22.389,000	22.389,000					89,000	89,000	89,000	
	Dự án nhóm C																			
1	Đường nhánh từ nút giao N5 đến Trung tâm Chi huy Công an tỉnh		TPCB		2024-2026	65/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	22.389,000	22.389,000			22.389,000	22.389,000					89,000	89,000	89,000	
II.2	Quy hoạch																			
							28.288,464	28.063,464			28.288,464	28.063,464	225,000				-	28.063,464	28.288,464	28.063,464
1	Quy hoạch phân khu phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1005/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.593,360	2.568,360			2.593,360	2.568,360	25,000				2.568,360	2.593,360	2.568,360	
2	Quy hoạch phân khu phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1004/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.380,896	4.355,896			4.380,896	4.355,896	25,000				4.355,896	4.380,896	4.355,896	
3	Quy hoạch phân khu phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1000/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	1.208,084	1.183,084			1.208,084	1.183,084	25,000				1.183,084	1.208,084	1.183,084	
4	Quy hoạch phân khu phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1006/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	3.158,622	3.133,622			3.158,622	3.133,622	25,000				3.133,622	3.158,622	3.133,622	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1007/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.363,965	2.338,965			2.363,965	2.338,965	25,000				2.338,965	2.363,965	2.338,965	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1003/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.951,222	2.926,222			2.951,222	2.926,222	25,000				2.926,222	2.951,222	2.926,222	
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1007/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	2.161,390	2.136,390			2.161,390	2.136,390	25,000				2.136,390	2.161,390	2.136,390	
8	Quy hoạch phân khu xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1002/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	4.132,128	4.107,128			4.132,128	4.107,128	25,000				4.107,128	4.132,128	4.107,128	
9	Quy hoạch phân khu xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000		TPCB			1001/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	5.338,797	5.313,797			5.338,797	5.313,797	25,000				5.313,797	5.338,797	5.313,797	
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật																			
							282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000				5.000,000	27.000,000	5.000,000	
III.1	Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới																			
							282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000				5.000,000	27.000,000	5.000,000	
(I)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024																			
1	Dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		TPCB		2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; 182/QĐ-UBND ngày 24/2/2023; 38/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 978/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	282.183,000	10.000,000	15.000,000	5.000,000	282.183,000	10.000,000	22.000,000				5.000,000	27.000,000	5.000,000	